



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03629/2024/PKQ (2402.01A2405.045-046)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 21/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 21/05/2024 - 07/06/2024

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | MTC-NH3: Ống khí thải NH3 nhà máy MTC | MTC-H2S: Ống khí thải H2S nhà máy MTC | QCVN 19:2009/ BTNMT |
|----|--|--|--------------------|---|---|---------------------------|
| | | | | | | Cmax* |
| 1 | Nhiệt độ ^(b) | QT-HT.03 | °C | 52 | 22 | - |
| 2 | Áp suất ^(b) | QT-HT.03 | Pa | 17,64 | 9,8 | - |
| 3 | Lưu lượng ^(b) | US EPA Method 2 | m ³ /h | 1.015 | 844 | - |
| 4 | Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b) | US EPA Method 3 | g/mol | 28,85 | 28,86 | - |
| 5 | Vận tốc ^(b) | US EPA Method 2 | m/s | 4,93 | 3,44 | - |
| 6 | Hàm ẩm ^(b) | US EPA Method 4 | % | 10,5 | 3,5 | - |
| 7 | Bụi tổng ^(b) | US EPA Method 5 | mg/Nm ³ | 0,9 | 1,6 | 280 |
| 8 | NH ₃ ^(b) | JIS K 0099: 2004/IS 11255 (part 6) | mg/Nm ³ | 35,59 | - | 70 |
| 9 | H ₂ S ^(b) | Jis K 0108: 2010 | mg/Nm ³ | - | <3 | 10,5 |
| 10 | H ₂ SO ₄ ^(b) | US EPA Method 8 | mg/Nm ³ | 4,58 | 3,92 | 70 |
| 11 | SO ₂ ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | <5,0 | <5,0 | 700 |
| 12 | NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | <5,0 | <5,0 | 1.190 |
| 13 | O ₂ ^(a,b) | QT-HT.03 | % | 20,69 | 20,84 | - |
| 14 | CO ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | 15,96 | <10 | 1.400 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (a): Thông số được Vilas công nhận; ;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; ;
- (-): không xác định;
- MTC-NH3: Ống khí thải NH3 nhà máy MTC: 01A2405.045;
- MTC-H2S: Ống khí thải H2S nhà máy MTC: 01A2405.046.

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Phạm Hải Long



Đỗ Văn Mạnh





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03628/2024/PKQ (2422.01A2405.047)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 22/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 22/05/2024 - 07/06/2024

| TT | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | MTC- Boiler 01: Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC | QCVN 19:2009/BTNMT |
|----|---|-----------------|--------------------|---|--------------------|
| | | | | | Cmax* |
| 1 | Nhiệt độ ^(b) | QT-HT.03 | °C | 60 | - |
| 2 | Áp suất ^(b) | QT-HT.03 | Pa | 90,846 | - |
| 3 | Lưu lượng ^(b) | US EPA Method 2 | m ³ /h | 12.804 | - |
| 4 | Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b) | US EPA Method 3 | g/mol | 29,09 | - |
| 5 | Vận tốc ^(b) | US EPA Method 2 | m/s | 11,08 | - |
| 6 | Hàm ẩm ^(b) | US EPA Method 4 | % | 3 | - |
| 7 | Bụi tổng ^(b) | US EPA Method 5 | mg/Nm ³ | 23,8 | 280 |
| 8 | SO ₂ ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | <5,0 | 700 |
| 9 | NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | 84,6 | 1.190 |
| 10 | O ₂ ^(b) | QT-HT.03 | % | 15,82 | - |
| 11 | CO ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | 5,7 | 1.400 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; ;
- (-): không xác định;
- MTC- Boiler 01: Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC: 01A2405.047.

Hà Nội, ngày 07 tháng 06 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

QA/QC

VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Phạm Hải Long

Đỗ Văn Mạnh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03743/2024/PKQ (2558.01A2405.195)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian lấy mẫu : 28/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 28/05/2024 - 12/06/2024

| T T | Thông số | Phương pháp thử | Đơn vị | MTC- Boiler 02: Ông khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC | QCVN 19:2009/ BTNMT |
|--------|--|-----------------|--------------------|---|---------------------------|
| | | | | | Cmax* |
| 1 | Nhiệt độ ^(b) | QT-HT.03 | °C | 77 | - |
| 2 | Áp suất ^(b) | QT-HT.03 | Pa | 86,7 | - |
| 3 | Lưu lượng ^(b) | US EPA Method 2 | m ³ /h | 12.858 | - |
| 4 | Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b) | US EPA Method 3 | g/mol | 28,78 | - |
| 5 | Vận tốc ^(b) | US EPA Method 2 | m/s | 10,24 | - |
| 6 | Hàm ẩm ^(b) | US EPA Method 4 | % | 7,7 | - |
| 7 | Bụi tổng ^(b) | US EPA Method 5 | mg/Nm ³ | 12,5 | 280 |
| 8 | SO ₂ ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | <5,0 | 700 |
| 9 | NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | 70 | 1.190 |
| 10 | O ₂ ^(b) | QT-HT.03 | % | 14,5 | - |
| 11 | CO ^(b) | HD-HTKT | mg/Nm ³ | 5,7 | 1.400 |

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- (-): không xác định;
- MTC- Boiler 02: Ông khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC: 01A2405.195.

PHÒNG PHÂN TÍCH
CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Vũ Văn Tú

QA/QC

Phạm Hải Long

VIỆN TRƯỞNG

Đỗ Văn Mạnh

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2024